

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Áp dụng từ ngày 01/02/2021

TT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
1	Đào Thị Lan	HT	Hướng nghiệp ((9A,9B) ¹ + (dạy thay) ¹	2	
2	Nguyễn Hương Giang	PHT	HĐNGLL (9A,9B) ¹ + (dạy thay) ³	4	
3	Nguyễn Tuấn Anh (Nghỉ thứ 7)	(TTND) ²	Lý (8) ¹ + Lý (9A, 9B) ⁴ + Toán (8,9A) ⁸ + Tự chọn Toán (8, 9A) ²	17	
4	Tạ Thị Thúy (Nghỉ Thứ 4)	CN(7B) ⁴ (TTCM) ³	Hoá (8) ² + Hóa (9A, 9B) ⁴ + Sinh (7B) ² + Sinh (9A,9B) ⁴	19	
5	Vũ ViệtTùng (Nghỉ thứ7)		Lý (6A, 6B) ² + Lý (7A,7B) ² + Toán (7A, 7B) ⁸ + Tự chọn Toán (7A, 7B) ² + Sinh (8) ²	16	
6	Dương Thị Hương Giang (Nghỉ thứ 6)	CN (9B) ⁴	Toán (6A, 6B) ⁸ + Toán (9B) ⁴ + Tự chọn Toán (6A, 6B, 9B) ³	19	
7	Lâm ThịMây (Nghỉ thứ 3)	CN(7A) ⁴	Thể dục (6A, 6B) ⁴ + Thể dục (7A, 7B) ⁴ + Thể dục (8) ² + Thể dục (9A, 9B) ⁴	18	
8	Nguyễn Thị Liễu (Nghỉ thứ 4)	(TPTĐ) ¹⁰	MT (6A, 6B) ² + MT (7A, 7B) ² + GD CD (6A, 6B) ² + HĐNG (6A, 6B) ¹	17	
9	Trần Thị Thủy (Nghỉ thứ 3)	(CTV viết tin bài) ³ (UVCD) ¹	GD CD (7A,7B) ² + MT (8) ¹ + Sinh (6A,6B) ⁴ + Sinh (7A) ² + HĐNG (7A, 7B) ¹ + MT (9A, 9B) ²	16	
10	Phạm Thị Bích Liên (Nghỉ thứ 4)	(TTCM) ³	Sử (7A, 7B) ⁴ + Sử (8) ² + Văn (7A, 7B) ⁸	16	
11	ĐàoThị Nho (Nghỉ thứ 4)	CN(6A) ⁴ (TKHĐ) ²	Văn (6A, 6B) ⁸ + Sử (6A, 6B) ² + GD CD (9A,9B) ²	18	
12	Nguyễn Thị Như Nguyệt (Nghỉ thứ 6)	CN (8) ⁴ (CTCD) ³	Tiếng Anh (8) ³ + Tiếng anh (9A, 9B) ⁴ + TC Tiếng Anh (6A,8, 9A, 9B) ⁴ + HĐNGLL (8) ^{0.5}	18.5	
13	Nguyễn Đức Ngọc (Nghỉ thứ 4)	CN (9A) ⁴	Văn (8) ⁴ + Văn (9A, 9B) ¹⁰	18	
14	Lưu Thị Quỳnh Mai (Nghỉ thứ 6)	CN (6B) ⁴	Tiếng Anh (6A, 6B) ⁶ + Tiếng Anh (7A, 7B) ⁶ + TC Tiếng Anh 6B, 7A, 7B) ³	19	
15	Nguyễn Thị Hường (Nghỉ thứ 7)		CNghê (6A, 6B) ⁴ + CNghê (7A,7B) ⁴ + CNghê (9A, 9B) ² + Nhạc (6A, 6B, 7A, 7B, 8,) ⁵ + CNghê (8) ²	17	
16	Nguyễn Thị Tổ Oanh (Nghỉ thứ 3)		Địa (6A, 6B) ² + Địa (7A, 7B) ⁴ + Địa (9A,9B) ⁴ Sử (9A, 9B) ² GD CD (8) ¹ Địa (8) ²	15	

